TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Y** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2953/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 288E, tổ 47, khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Đức Đ**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 288E, tổ 47, khu phố 11, phường Tân Phong, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Trương Thị Thắm trình bày:

Bà và ông Đinh Đức Đ tự tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Ya,

tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2007. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Y giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Đinh Trương Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2008; cháu Đinh Đức M, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Đinh Đại Q, sinh ngày 20/3/2015. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Đạt phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Đức Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để làm việc, hòa giải và xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T đối với bị đơn ông Đinh Đức Đ về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Bà Tđược ly hôn với ông Đ, về con chung: Giao 03 con chung là cháu Đinh Trương Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2008; cháu Đinh Đức M, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Đinh Đại Q, sinh ngày 20/3/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Bà Thắm không yêu cầu giải quyết, ông Đ vắng mặt không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đinh Đức Đ và đề nghị giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Trương Thị T là nguyên đơn, ông Đinh Đức Đ là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đinh Đức Đ hiện nay đang cư trú tại thành phố Y, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Ngày 12/3/2024, bà T có đơn xin vắng mặt. ông Đinh Đức Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Đinh Đức Đ tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2007 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 23/02/2024 (Bút lục 29) nơi bà Thắm và ông Đạt đã từng sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ do các đương sự không trình báo và không có đơn đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

[4.2] Đối với ông Đinh Đức Đ đã ký nhận trực tiếp tất cả các thủ tục tố tụng của Tòa án (Bút lục 18, 26, 28). Tuy nhiên, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy ông Đ có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Đinh Trương Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2008; cháu Đinh Đức M, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Đinh Đại Q, sinh ngày 20/3/2015. Ly hôn, bà T đề nghị được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của bà T là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ 03 con chung vẫn đang sống cùng bà T. Mặt khác, 03 con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng bà T (Bút lục 20, 21, 22) nên việc giao 03 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là rất cần thiết. Tạm thời, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4.5] Về nợ chung: Không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T đối với bị đơn ông Đinh Đức Đ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Đinh Đức Đ.

Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Đinh Trương Quỳnh A, sinh ngày 12/9/2008; cháu Đinh Đức M, sinh ngày 06/11/2012 và cháu Đinh Đại Q, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Đinh Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông Đạt thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001654 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y. Bà Trương Thị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Y;
- Chi cục THADS TP.Y
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.